

# Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU: Tác động đến doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam

Nguyễn Tuấn Việt<sup>1</sup>, Ngô Văn Vũ<sup>2</sup>

<sup>1</sup> Đài Truyền hình Việt Nam.

Email: tuanviettv@gmail.com

<sup>2</sup> Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: ngovu68@gmail.com

Nhận ngày 2 tháng 7 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 8 năm 2019.

**Tóm tắt:** Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EU) đã chính thức ký kết Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-Liên minh Châu Âu (EVFTA) vào ngày 30-6-2019. Việc ký kết EVFTA sẽ mở ra cho Việt Nam con đường mới để hội nhập và phát triển. Tuy nhiên, EVFTA là hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, yêu cầu cao nên sẽ đặt ra vô vàn thách thức đối với Việt Nam, từ thể chế chính sách, cho đến phát triển bền vững, môi trường, lao động, sở hữu trí tuệ, cộng đồng doanh nghiệp (DN), đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV).

**Từ khóa:** Hiệp định thương mại tự do, Việt Nam-Liên minh Châu Âu, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**Phân loại ngành:** Kinh tế học

**Abstract:** Vietnam and the European Union officially inked the Vietnam-EU Free Trade Agreement (EVFTA) on 30 June 2019. The signing will usher in a new pathway for the country's integration and development. However, the EVFTA is a new-generation free trade agreement, which is highly demanding and will, therefore, pose a lot of challenges for Vietnam, ranging from institutional ones and those on policies to those regarding sustainable development, environmental protection, labour, intellectual property, and the business community, especially small and medium enterprises.

**Keywords:** Free trade agreement, Vietnam - the European Union, small and medium enterprises.

**Subject classification:** Economics

## 1. Mở đầu

Hiệp định EVFTA là hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, được coi là một trong những hiệp định thương mại toàn diện và tham vọng nhất mà EU từng ký kết với một quốc gia đang phát triển. Sau Singapore, đây là hiệp định thứ hai EU ký kết trong khu vực ASEAN và được kỳ vọng sẽ tăng cường mối quan hệ song phương giữa Việt Nam và EU.

Hiệp định EVFTA tạo điều kiện cho Việt Nam nói chung, cộng đồng DN, doanh nhân nói riêng vận hội mới để hội nhập và phát triển. Doanh nghiệp Việt Nam, nhất là các DNNVV sẽ có cơ hội tiếp cận một thị trường tiềm năng với dân số hơn 500 triệu người và tổng sản phẩm quốc nội (GDP) lên tới 15.000 tỷ USD (chiếm 22% GDP toàn cầu). Ở chiều ngược lại, các doanh nghiệp xuất khẩu từ EU cũng có nhiều cơ hội hơn để dễ dàng thâm nhập thị trường Việt Nam, đồng thời nhanh chóng tiếp cận thị trường Châu Á. Bài viết nêu những nội dung cơ bản của EVFTA; phân tích, đánh giá những tác động của EVFTA đến các DNNVV Việt Nam trong bối cảnh thực thi Hiệp định này.

## 2. Những nội dung cơ bản của EVFTA

Hiệp định gồm 17 Chương, 2 Nghị định thư và một số biên bản ghi nhớ. Các lĩnh vực cam kết chính trong EVFTA [7] bao gồm:

### 2.1. Thương mại hàng hóa

*Thứ nhất*, cam kết mở cửa thị trường hàng hóa của EU. EU cam kết xóa bỏ thuế quan ngay khi EVFTA có hiệu lực đối với hàng

hóa của Việt Nam thuộc 85,6% số dòng thuế trong biểu thuế, tương đương 70,3% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào EU. Sau 7 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực, EU cam kết xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với 99,2% số dòng thuế trong biểu thuế, (chiếm 99,7% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào EU). Đối với 0,3% kim ngạch xuất khẩu còn lại (bao gồm: một số sản phẩm gạo, ngô ngọt, tỏi, nấm, đường và các sản phẩm chứa hàm lượng đường cao, tinh bột sắn, cá ngừ đóng hộp), EU cam kết mở cửa cho Việt Nam theo hạn ngạch thuế quan (TRQs) với thuế nhập khẩu trong hạn ngạch là 0%.

*Thứ hai*, cam kết mở cửa thị trường hàng hóa của Việt Nam. Ngay sau khi EVFTA có hiệu lực, Việt Nam cam kết xóa bỏ thuế quan cho hàng hóa của EU thuộc 48,5% số dòng thuế trong biểu thuế, (chiếm 64,5% kim ngạch xuất khẩu của EU sang Việt Nam). Sau 7 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực, Việt Nam cam kết xóa bỏ 91,8% số dòng thuế trong biểu thuế, (chiếm 97,1% kim ngạch xuất khẩu của EU sang Việt Nam). Sau 10 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực, Việt Nam cam kết sẽ xóa bỏ khoảng 98,3% số dòng thuế trong biểu thuế, chiếm 99,8% kim ngạch xuất khẩu của EU sang Việt Nam.

Đối với khoảng 1,7% số dòng thuế còn lại của EU, Việt Nam cam kết dành hạn ngạch thuế quan như cam kết của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), hoặc áp dụng lộ trình xóa bỏ đặc biệt (như thuốc lá, xăng dầu, bia, linh kiện ô tô, xe máy).

*Thứ ba*, cam kết về thuế xuất khẩu. Việt Nam và EU cam kết không áp dụng bất kỳ loại thuế, phí xuất khẩu nào trừ các trường hợp được bảo lưu rõ (theo kết quả cam kết thì chỉ có Việt Nam có bảo lưu về vấn đề

này, EU không có bảo lưu nào). Theo nguyên tắc này, trừ các trường hợp có bảo lưu (của Việt Nam), Việt Nam và EU sẽ không áp dụng loại thuế, phí nào riêng đối với hàng xuất khẩu mà không áp dụng cho hàng tiêu thụ nội địa, không áp dụng mức thuế, phí đối với hàng xuất khẩu cao hơn mức áp dụng cho hàng tiêu thụ nội địa. Bảo lưu của Việt Nam về các thuế xuất khẩu được nêu trong Phụ lục 2d Chương 2 EVFTA, áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam sang EU với các nội dung chủ yếu: (1) Việt Nam duy trì đánh thuế xuất khẩu đối với 57 dòng thuế, gồm các sản phẩm như cát, đá phiến, đá granit, một số loại quặng và tinh quặng, dầu thô, than đá, than cốc, vàng... Trong số này, các dòng thuế hiện nay đang có mức thuế xuất khẩu cao sẽ được đưa về mức 20% trong thời gian tối đa là 5 năm (riêng quặng mangan sẽ được giảm về 10%); các sản phẩm còn lại duy trì mức thuế xuất khẩu hiện hành; (2) Với toàn bộ các sản phẩm khác, Việt Nam cam kết sẽ xóa bỏ thuế xuất khẩu theo lộ trình tối đa là 15 năm.

*Thứ tư*, cam kết về hàng rào phi thuế. Đối với hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT): (1) Hai bên thỏa thuận tăng cường thực hiện các quy tắc của Hiệp định về các rào cản kỹ thuật đối với thương mại của WTO (Hiệp định TBT), trong đó Việt Nam cam kết tăng cường sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong ban hành các quy định về TBT của mình; (2) Hiệp định có 01 Phụ lục riêng quy định về các hàng rào phi thuế đối với lĩnh vực ô tô, trong đó Việt Nam cam kết công nhận toàn bộ chứng nhận phù hợp về kỹ thuật đối với ô tô của EU theo các nguyên tắc của Hiệp định UNECE 1958 (hệ thống tiêu chuẩn Liên Hợp Quốc) sau 5

năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực; (3) Việt Nam cam kết chấp nhận nhãn “Sản xuất tại EU” (Made in EU) cho các sản phẩm phi nông sản (trừ dược phẩm) đồng thời vẫn chấp nhận nhãn xuất xứ cụ thể ở một nước EU.

Các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm định động thực vật (SPS): Việt Nam và EU đạt được thỏa thuận về một số nguyên tắc về SPS nhằm tạo điều kiện cho hoạt động thương mại đối với các sản phẩm động vật, thực vật. Đặc biệt, đối với hàng hóa xuất nhập khẩu với Việt Nam, chủ thể quản lý phía EU là cơ quan có thẩm quyền của từng nước thành viên EU cụ thể (nơi xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa Việt Nam) chứ không phải là cơ quan chung cấp liên minh của EU. Ủy ban Châu Âu chỉ chịu trách nhiệm về phối hợp chung, kiểm tra/thanh tra hệ thống kiểm soát và hệ thống pháp luật liên quan của các nước thành viên nhằm bảo đảm việc áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong toàn thị trường EU.

Các biện pháp phi thuế quan khác. Hiệp định cũng bao gồm các cam kết theo hướng giảm bớt hàng rào thuế quan khác (ví dụ cam kết về cấp phép xuất khẩu/nhập khẩu, thủ tục hải quan...) nhằm tạo điều kiện cho hoạt động xuất nhập khẩu giữa hai bên.

*Thứ năm*, Phụ lục về dược phẩm. Hiệp định có một Phụ lục riêng về dược phẩm (sản phẩm xuất khẩu quan trọng của EU, chiếm 9% tổng nhập khẩu từ EU và Việt Nam) trong đó: (1) Hai bên cam kết về một số biện pháp nhằm tạo thuận lợi cho thương mại dược phẩm giữa EU và Việt Nam; (2) Việt Nam cam kết cho phép các doanh

ngành đầu tư nước ngoài được nhập khẩu được phẩm nhưng không được tham gia bán buôn hay bán lẻ được phẩm, và chỉ được bán lại cho doanh nghiệp được cấp phép quyền phân phối (bán buôn) được phẩm ở Việt Nam; (3) Việt Nam có các cam kết về việc cho phép nhà thầu EU tham gia các gói thầu được phẩm, với một số bảo lưu riêng.

## 2.2. Thương mại dịch vụ và đầu tư

*Cam kết của Việt Nam và EU trong EVFTA về thương mại dịch vụ và đầu tư hướng tới việc tạo ra một môi trường đầu tư cởi mở, thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp hai bên, trong đó: (1) Cam kết của EU cho Việt Nam cao hơn cam kết của EU trong WTO và tương đương với mức cao nhất của EU trong các FTA gần đây của EU; (2) Cam kết của Việt Nam cho EU cao hơn cam kết của Việt Nam trong WTO và ít nhất là ngang bằng với mức mở cửa cao nhất mà Việt Nam cho các đối tác khác trong các đàm phán FTA hiện tại của Việt Nam (bao gồm cả CPTPP).*

## 2.3. Mua sắm của Chính phủ

Hiệp định EVFTA bao gồm các nguyên tắc về mua sắm của Chính phủ (đấu thầu công) tương đương với quy định của Hiệp định mua sắm của Chính phủ của WTO (GPA). Với một số nghĩa vụ như đấu thầu qua mạng, thiết lập cổng thông tin điện tử để đăng tải thông tin đấu thầu, Việt Nam sẽ thực hiện theo lộ trình; EU cũng cam kết dành hỗ trợ kỹ thuật cho Việt Nam để thực

thi các nghĩa vụ này. Việt Nam bảo lưu có thời hạn quyền dành riêng một tỷ lệ nhất định giá trị các gói thầu cho nhà thầu, hàng hóa, dịch vụ và lao động trong nước.

## 2.4. Sở hữu trí tuệ

Vấn đề sở hữu trí tuệ trong EVFTA gồm các cam kết về bản quyền, phát minh, sáng chế, cam kết liên quan tới được phẩm và chỉ dẫn địa lý... với mức bảo hộ cao hơn so với WTO; tuy nhiên các mức này về cơ bản phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam.

Về chỉ dẫn địa lý, Việt Nam cam kết bảo hộ 169 chỉ dẫn địa lý của EU và EU sẽ bảo hộ 39 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam. Các chỉ dẫn địa lý của Việt Nam đều liên quan tới nông sản, thực phẩm. Đây là điều kiện để một số chủng loại nông sản nổi bật của Việt Nam tiếp cận và khẳng định thương hiệu của mình tại thị trường EU.

Về được phẩm, Việt Nam cam kết tăng cường bảo hộ độc quyền dữ liệu cho các sản phẩm được phẩm của EU, và nếu cơ quan có thẩm quyền chậm trễ trong việc cấp phép lưu hành được phẩm thì thời hạn bảo hộ sáng chế có thể được kéo dài thêm nhưng không quá 2 năm.

## 2.5. Doanh nghiệp nhà nước và trợ cấp

Về doanh nghiệp nhà nước (DNNN), hai bên thống nhất về các nguyên tắc đối với các DNNN; các nguyên tắc này, cùng với các nguyên tắc về trợ cấp, hướng tới việc bảo đảm môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các DNNN và doanh nghiệp dân

doanh khi các DNNN tham gia vào các hoạt động thương mại. Đối với các khoản trợ cấp trong nước sẽ có các quy tắc về minh bạch và có thủ tục tham vấn.

## 2.6. Thương mại và Phát triển bền vững

EVFTA bao gồm một chương khá toàn diện về thương mại và phát triển bền vững, với những nội dung quan trọng: (1) Cam kết thực thi hiệu quả các tiêu chuẩn cơ bản của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), các Công ước của ILO (không chỉ các Công ước cơ bản), các Hiệp định Đa phương về Môi trường mà mỗi bên đã ký kết/gia nhập; (2) Cam kết gia nhập/ký kết các Công ước cơ bản của ILO mà mỗi bên chưa tham gia; (3) Cam kết sẽ không vì mục tiêu thu hút thương mại và đầu tư mà giảm bớt các yêu cầu hoặc phương hại tới việc thực thi hiệu quả các luật về môi trường và lao động trong nước; (4) Thúc đẩy trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR), có dẫn chiếu tới các thông lệ quốc tế về vấn đề này; (5) Một điều khoản về biến đổi khí hậu và các cam kết bảo tồn và quản lý bền vững đa dạng sinh học (bao gồm động thực vật hoang dã), rừng (bao gồm khai thác gỗ bất hợp pháp), và đánh bắt cá; (6) Các cơ chế tăng cường sự tham gia của xã hội dân sự vào việc thực thi Chương này, cả từ góc độ nội địa (tham vấn các nhóm tư vấn nội địa) và song phương (các diễn đàn song phương); (7) Các điều khoản tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình.

## 2.7. Cơ chế giải quyết tranh chấp

EVFTA thiết lập một cơ chế giải quyết các tranh chấp có thể phát sinh giữa Việt Nam

và EU trong việc diễn giải và thực thi các cam kết của Hiệp định. Cơ chế này áp dụng đối với hầu hết các Chương của Hiệp định và được đánh giá trong một số mặt là nhanh và hiệu quả hơn cơ chế giải quyết tranh chấp trong WTO. Cơ chế này được thiết kế với tính chất là phương thức giải quyết tranh chấp cuối cùng, khi các bên không giải quyết được tranh chấp bằng các hình thức khác. Cơ chế này bao gồm các quy trình và thời hạn cố định để giải quyết tranh chấp, theo đó hai bên trước tiên phải tham vấn, nếu tham vấn không đạt được kết quả thì một trong hai bên có thể yêu cầu thiết lập một ban hội thẩm bao gồm các chuyên gia pháp lý độc lập. EVFTA cũng dự liệu một cơ chế khác mềm dẻo hơn: cơ chế trung gian, để xử lý các vấn đề liên quan tới các biện pháp có ảnh hưởng tiêu cực đến đầu tư và thương mại song phương.

Từ những nội dung được nêu trên đây cho thấy, EVFTA là một trong những FTA thế hệ mới, với phạm vi cam kết rộng và mức độ cam kết cao. Việt Nam tham gia EVFTA được dự kiến có nhiều lợi ích từ việc tăng trưởng xuất khẩu cũng như quá trình đa dạng hóa thị trường và mặt hàng xuất khẩu. Theo các tính toán của các nhà nghiên cứu, nếu Hiệp định EVFTA được thực hiện ngay có thể sẽ góp phần làm tổng sản phẩm quốc dân (GDP) tăng thêm ở mức bình quân từ 2,18% đến 3,25% cho giai đoạn từ năm 2019 đến 2023; 4,57% đến 5,30% cho giai đoạn năm 2024 đến 2028 và từ 7,07% đến 7,72% cho giai đoạn năm 2029 đến 2033. Về phía EU, theo nghiên cứu của Ủy ban Châu Âu (EC), EVFTA sẽ làm tăng thu nhập quốc dân của EU trong dài hạn với mức tăng có thể lên tới 29,5 tỷ Euro. Ngoài ra, dự kiến xuất khẩu của EU sang Việt Nam có thể tăng trung bình

khoảng 29% [8]. Đặc biệt, EVFTA mang lại nhiều lợi ích cho cả DN hai bên và cả người tiêu dùng. Người dân Việt Nam sẽ có cơ hội tiếp cận với các sản phẩm chất lượng cao, giá cả cạnh tranh từ EU. Các sản phẩm của Việt Nam cũng sẽ có sự bảo hộ vào thị trường EU.

Hiện nay, cộng đồng DN của Việt Nam, phần lớn là DNNVV, với số lượng lên tới hơn 97%. Hạn chế cố hữu của các DNNVV là năng lực quản trị còn kém, trình độ công nghệ yếu; quy mô DN nhỏ kể cả về tín dụng, nguồn lực, đội ngũ nhân lực...; công tác xây dựng thương hiệu, cũng như khả năng tiếp cận với các thị trường mới là rất khó khăn. Khi EVFTA đi vào thực thi, cơ hội và lợi thế mang đến cho DNNVV Việt Nam được nhìn thấy rõ ràng. Tuy nhiên, còn rất nhiều khó khăn, thách thức mà DNNVV Việt Nam phải đối mặt đó là: áp lực cạnh tranh đang đến một cách cụ thể cho từng ngành hàng và từng sản phẩm của từng DN, từng người sản xuất trong nước, và chắc chắn, DNNVV sẽ phải đối mặt với nhiều tranh chấp thương mại, đầu tư.

Do vậy, để tận dụng tốt cơ hội từ EVFTA, vấn đề đặt ra là DNNVV cần tập trung tìm hiểu, tiếp cận và nắm bắt một cách toàn diện nội dung hiệp định. Bên cạnh đó, các DNNVV phải chủ động tiếp cận những chương trình của Chính phủ để phối hợp thực thi tốt hiệp định này.

### **3. Tác động từ EVFTA đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam**

#### *3.1. Tác động tích cực*

*Thứ nhất*, về xuất khẩu, hiện tại EU là một trong những thị trường xuất khẩu lớn nhất

của Việt Nam, tuy nhiên thị phần hàng hóa của Việt Nam tại khu vực này còn rất khiêm tốn, bởi năng lực cạnh tranh của hàng Việt Nam còn hạn chế (nguyên nhân làm cho giá cả sản phẩm hàng hóa xuất khẩu cao là do nguyên liệu chủ yếu được nhập khẩu; quy mô nhà xưởng, cơ sở vật chất của DN khá nhỏ không đáp ứng được đơn hàng EU). Sau khi EVFTA đi vào thực thi, hàng hóa được xóa bỏ tới trên 99% thuế quan, các DNNVV sẽ có nhiều cơ hội tăng khả năng cạnh tranh về giá của hàng hóa khi xuất khẩu vào EU. Các ngành dự kiến sẽ được hưởng lợi nhiều nhất là những ngành hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam mà hiện EU vẫn đang duy trì thuế quan cao như dệt may<sup>3</sup>, giày dép và hàng nông sản. Thị trường EU chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu giày dép Việt Nam và luôn ở mức hơn 30%. EVFTA mở ra cơ hội rất lớn cho DNNVV Việt Nam tham gia thị trường rộng lớn này và tạo sân chơi bình đẳng giữa DN Việt Nam và DN của EU. Việc DNNVV Việt Nam phải cạnh tranh với DN của EU ngay trên thị trường trong nước là điểm tích cực, bởi các DNNVV Việt Nam vượt qua được thách thức này sẽ có sự trưởng thành hơn, cải thiện năng lực cạnh tranh của mình.

*Thứ hai*, về nhập khẩu, các DN Việt Nam cũng sẽ được lợi từ nguồn hàng hóa, nguyên liệu nhập khẩu với chất lượng tốt và ổn định với mức giá hợp lý hơn từ EU. Các DNNVV sẽ có cơ hội được tiếp cận với nguồn máy móc, thiết bị, công nghệ/kỹ thuật cao từ các nước EU, qua đó để nâng cao năng suất và cải thiện chất lượng sản phẩm của mình. Đặc biệt, ngành da giày, các DN sẽ nhập được công nghệ giày dép tốt từ các nước có nền sản xuất giày dép

phát triển như Đức, Italia. Đồng thời, nhập khẩu được nguyên phụ liệu phục vụ cho sản xuất sản phẩm giày dép ở phân khúc hạng trung và cao cấp. Trong ngành nông nghiệp, các DNNVV có thể tiếp cận máy móc thiết bị phục vụ cho nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp quy mô lớn để giúp DN cắt giảm chi phí trong sản xuất, từ đó gia tăng sức cạnh tranh sản phẩm hàng hóa.

*Thứ ba*, về môi trường kinh doanh, với việc thực thi các cam kết trong EVFTA về các vấn đề thể chế, chính sách pháp luật sau đường biên giới, môi trường kinh doanh và chính sách, pháp luật Việt Nam sẽ có những thay đổi, cải thiện theo hướng minh bạch hơn, thuận lợi và phù hợp hơn với thông lệ quốc tế. Điều này tạo ra sức ép tốt để Việt Nam cải thiện môi trường kinh doanh và thể chế kinh tế theo hướng thị trường, tôn trọng cạnh tranh và quyền tự do cạnh tranh, bảo hộ hợp lý tài sản của các DNNVV.

### 3.2. Tác động tiêu cực

Cũng như các FTA thế hệ mới khác, EVFTA sẽ có những tác động tiêu cực không nhỏ, đòi hỏi các DNNVV Việt Nam phải vượt qua để biến nó trở thành những cơ hội cho phát triển.

*Thứ nhất*, các yêu cầu về quy tắc xuất xứ, thương hiệu mà EVFTA đưa ra có thể khó đáp ứng. Thông thường hàng hóa muốn được hưởng ưu đãi thuế quan theo EVFTA thì nguyên liệu phải đáp ứng được một tỷ lệ về hàm lượng nội khối nhất định (nguyên liệu có xuất xứ tại EU và/hoặc Việt Nam).

Đây là một thách thức lớn đối với các DNNVV Việt Nam bởi nguồn nguyên liệu cho sản xuất hàng xuất khẩu hiện nay chủ yếu được nhập khẩu từ Trung Quốc hoặc ASEAN<sup>4</sup>.

Trong ngành nông nghiệp, các DNNVV Việt Nam muốn hưởng ưu đãi thuế khi vào EU thì phải tuân thủ các quy định nghiêm ngặt của từng nước về truy xuất nguồn gốc, sở hữu trí tuệ, an toàn thực phẩm, minh bạch hóa thông tin về lao động. Vì vậy, các DNNVV Việt Nam cần đặc biệt lưu ý vấn đề này.

Bên cạnh đó, về vấn đề thương hiệu, các DNNVV của Việt Nam, đặc biệt là các DN ngành da giày và may mặc hầu hết làm gia công nên sản phẩm xuất khẩu chưa mang thương hiệu của DN Việt Nam. Đây là điểm nghẽn mà DNNVV Việt Nam đang gặp phải hiện nay.

*Thứ hai*, các rào cản như TBT, SPS và yêu cầu của khách hàng trong khối EU là một thị trường khó tính. Các yêu cầu bắt buộc về vệ sinh an toàn thực phẩm, dán nhãn, môi trường... của EU rất khắt khe và không dễ đáp ứng. Đạo luật Kiểm soát hóa chất tồn dư trên sản phẩm (REACH<sup>5</sup>) đang là khó khăn nhất đối với DN xuất khẩu vào EU, nhất là các DN trong ngành thủy sản còn chịu nhiều rào cản kỹ thuật<sup>6</sup> (tiêu chuẩn chất lượng, quy tắc xuất xứ). Hiện nay chỉ có một số DN lớn đạt được tiêu chuẩn này. Vì vậy, trong thời gian tới, để tiếp cận được EVFTA thì hàng hóa của Việt Nam cũng phải hoàn thiện rất nhiều về chất lượng để có thể vượt qua được các rào cản này. Các DNNVV Việt Nam phải luôn luôn cập nhật

những yêu cầu mới và thực hiện nghiêm ngặt các tiêu chuẩn nếu không đơn hàng xuất khẩu vào EU sẽ bị loại.

*Thứ ba*, nguy cơ về các biện pháp phòng vệ thương mại. Thông thường khi rào cản thuế quan không còn là công cụ hữu hiệu để bảo vệ nữa, DN ở thị trường nhập khẩu có xu hướng sử dụng nhiều hơn các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp hay tự vệ để bảo vệ ngành sản xuất nội địa. EU là một trong những thị trường có “truyền thống” sử dụng các công cụ này.

*Thứ tư*, sức ép cạnh tranh từ hàng hóa và dịch vụ của EU. Thực hiện cam kết mở cửa thị trường Việt Nam cho hàng hóa, dịch vụ từ EU đồng nghĩa với việc DNNVV Việt Nam sẽ phải cạnh tranh khó khăn hơn ngay tại thị trường nội địa. Theo EVFTA, trong nông nghiệp, Việt Nam sẽ cắt giảm 24% nông sản nhập khẩu về 0% ngay năm đầu và cắt giảm 99% sau 10 năm. Như vậy các DN ngành hàng gia cầm, chăn nuôi và sản phẩm từ sữa sẽ chịu áp lực cạnh tranh khốc liệt. Điều này đòi hỏi các DNNVV Việt Nam phải nâng cao năng suất vật nuôi, giảm giá thành sản phẩm chăn nuôi và đảm bảo các sản phẩm chăn nuôi an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm. Đồng thời, các DN tổ chức ngành chăn nuôi theo chuỗi liên kết khép kín.

Trên thực tế, đây là một thách thức rất lớn, bởi các doanh nghiệp EU có lợi thế hơn hẳn các DNNVV Việt Nam về năng lực cạnh tranh, kinh nghiệm thị trường cũng như khả năng tận dụng các FTA. Tuy nhiên, cam kết mở cửa của Việt Nam là có lộ trình, đặc biệt đối với những nhóm sản phẩm nhạy cảm, do đó EVFTA cũng là

ơ hội, sức ép hợp lý để các DNNVV Việt Nam điều chỉnh, thay đổi phương thức kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của mình.

#### **4. Kết luận**

EVFTA sẽ còn phải trải qua tiến trình xem xét và phê chuẩn của Quốc hội Việt Nam và Quốc hội của các nước thành viên EU vào cuối năm 2019. Do đó, Việt Nam phải tiếp tục nỗ lực sửa đổi, bổ sung các luật và thực hiện những công việc liên quan để đạt được kết quả cuối cùng là đưa EVFTA vào thực thi. Có thể tin tưởng rằng, với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là chỉ đạo rất nhất quán, kịp thời của Đảng, Nhà nước và Thủ tướng Chính phủ cũng như sự vào cuộc của các bộ, ngành trong thời gian qua, EVFTA sẽ nhanh chóng đi đến đích cuối cùng và cộng đồng DN, đặc biệt là các DNNVV Việt Nam sẽ đạt được hiệu quả thực sự mà EVFTA mang lại, góp phần quan trọng vào quá trình hội nhập để phát triển nhanh và bền vững đất nước.

#### **Chú thích**

<sup>3</sup> Dệt may được cho là ngành được hưởng lợi nhiều nhất khi Hiệp định có hiệu lực, bởi lẽ tiêu chuẩn xuất xứ, chúng ta chỉ cần xuất xứ từ vải, chứ không phải từ sợi như cam kết CPTPP, thậm chí Hiệp định còn cho phép cộng gộp xuất xứ. EU đồng ý chấp nhận cho Việt Nam cộng gộp xuất xứ (tức là EU đã ký Hiệp định FTA với Hàn Quốc). Như vậy, Việt Nam có quyền nhập vải từ Hàn Quốc về làm ra sản phẩm may mặc hoàn chỉnh tại Việt Nam, sau đó

bán sang EU vẫn được hưởng ưu đãi đi vào thị trường này.

<sup>4</sup> Để được hưởng lợi ích hấp dẫn từ EVFTA nên khả năng gian lận thương mại và làm giả quy tắc xuất xứ ở một số DNNVV Việt Nam hoàn toàn có thể xảy ra. Điều này không chỉ gây tổn hại đến một DN làm sai, mà còn tổn hại đến cả cộng đồng DN (trường hợp một DN làm giả quy tắc xuất xứ, thì EU có thể áp đặt gian lận thương mại cho cả ngành có DN sai phạm).

<sup>5</sup> REACH (Registration, Evaluation, Authorisation and Restriction of Chemicals) là một quy định mới trong EU về hóa chất và sử dụng an toàn hóa chất, được ban hành ngày 01/06/2007. Mục đích của quy định này nhằm đảm bảo an toàn sức khỏe cho con người và môi trường bằng cách áp dụng các phương pháp đánh giá độ nguy hại của các chất mà không ảnh hưởng đến lưu thông hóa chất trong thị trường EU. Trong danh mục bắt buộc khai báo bao gồm tất cả các sản phẩm thuộc ngành công nghiệp, liên quan đến hàng tiêu dùng như hóa chất, nhuộm, in, vải sợi, may mặc, giày dép, đồ chơi, đồ điện tử, vật dụng trong nhà, đồ gỗ, mỹ phẩm, chất liệu tạo hương thơm trong nến, sơn... REACH là Quy định pháp luật của EU áp dụng trong tất cả 28 quốc gia thuộc EU. Khi áp dụng luật này thì việc xuất khẩu vào các quốc gia này cũng phải tuân thủ REACH y như các nước thuộc EU.

<sup>6</sup> Thực tiễn quá trình ngành thủy sản Việt Nam nỗ lực khắc phục để thoát khỏi “thẻ vàng” của Ủy ban Châu Âu trong năm 2017 và năm 2018 cho thấy, người tiêu dùng Châu Âu không chỉ quan tâm tới việc con cá có ngon hay không, mà họ quan tâm đến việc là con cá có được đánh bắt hợp pháp hay không, tàu cá có được giám sát đúng quy trình hay không. Nhìn nhận vấn đề này cho thấy các DNNVV Việt Nam sẽ phải đối mặt với cuộc cạnh tranh khốc liệt, đòi hỏi mỗi DN phải nhanh chóng thay đổi và tuân

thủ đúng quy định về khai thác thủy sản theo yêu cầu của EU đặt ra.

## Tài liệu tham khảo

- [1] Trần Tuấn Anh (2019), “EVFTA nâng tầm hội nhập của Việt Nam”, Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 1/7.
- [2] Hoàng Hà (2019), “EVFTA: Mở rộng thị trường xuất khẩu, giảm thu ngân sách”, Tạp chí *Tài chính doanh nghiệp*, số 7.
- [3] Bạch Huệ (2019), “Doanh nghiệp đón cơ hội từ EVFTA”, *Thời báo Kinh tế Việt Nam*, số ra ngày 1/7.
- [4] Nguyễn Huyền (2019), “CPTPP và EVFTA cú hích cho ngành thủy sản”, *Thời báo Kinh tế Việt Nam*, số ra ngày 18/7.
- [5] Vũ Khuê (2019), “EVFTA giúp ngành da giày tăng trưởng trở lại”, *Thời báo Kinh tế Việt Nam*, số ra ngày 24/7.
- [6] Chương Phương (2019), “EVFTA mở ra cơ hội lớn và đem lại nhiều lợi ích tích cực”, *Thời báo Kinh tế Việt Nam*, số ra ngày 1/7.
- [7] Trung tâm WTO và hội nhập (2019), *Tóm lược Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA)*, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Hà Nội.
- [8] <http://nangluongsachvietnam.vn/d6/vi-VN/news2/Hiep-dinh-EVFTA-va-EVIPA-Co-hoi-cho-doanh-nghiep-nho-va-vua-0-163-3974>, truy cập ngày 3-7-2019
- [9] “TPP: Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam”, <http://www.dsi.mpi.gov.vn/32/473.html>, truy cập ngày 15-7-2019.
- [10] “TPP: Cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ”, <http://vietnamnet.vn>, truy cập ngày 22-7-2019.

